



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

CANTHO WATER SUPPLY – SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY



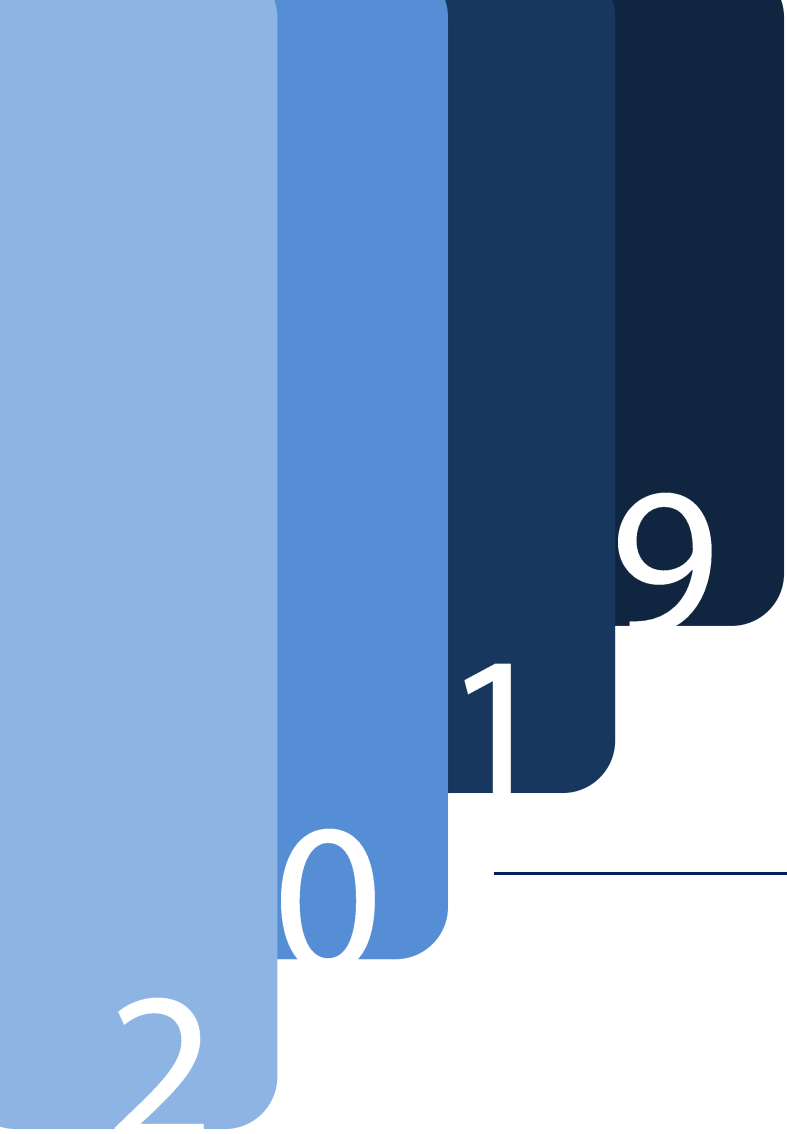
2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Annual Report

NỘI DUNG

I. Thông tin chung	3
Thông tin khái quát	4
Quá trình hình thành và phát triển	5
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức	7
Định hướng phát triển	8
Quản trị rủi ro	9
II. Tình hình hoạt động năm 2019	11
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	12
Tổ chức và nhân sự	13
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	17
Tình hình tài chính	19
Thông tin cổ đông và cổ phần	21
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	22
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	26
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	27
Tình hình tài chính	29
Các kết quả tiến bộ nổi bật đã đạt được	30
Kế hoạch phát triển trong tương lai	32
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị	34
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty	35
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	36
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	36
V. Quản trị công ty	37
Hội đồng quản trị	38
Ban kiểm soát	42
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	43
VI. Báo cáo tài chính năm 2019	44
Ý kiến kiểm toán	45
Báo cáo tài chính	46



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	4
Quá trình hình thành và phát triển	5
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
Mô hình tổ chức và cơ cấu tổ chức	7
Định hướng phát triển	8
Quản trị rủi ro	9



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

 Số 2A Nguyễn Trãi, P. Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

 (84-292) 3810 188

 (84-292) 3810 188

 ctncantho@gmail.com

 <https://ctn-cantho.com.vn>

Tên Công ty Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Tên tiếng Anh Cantho Water Supply - Sewerage Joint Stock Company

Tên viết tắt CanThoWassco

Giấy CNDKDN Số 1800155244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 08/04/2020

Vốn điều lệ 280.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tỷ đồng)

Vốn đầu tư CSH 280.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tỷ đồng)

Mã cổ phiếu CTW

Sàn giao dịch UPCoM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



1927 Chính quyền tỉnh Cần Thơ và Công ty điện nước Đông Dương (S.C.E.E – Pháp) đã ký thỏa ước giao cho Công ty S.C.E.E quyền đầu tư và khai thác Nhà máy nước Cần Thơ.

1931 Nhà máy xử lý nước hoàn chỉnh đầu tiên tại Cần Thơ được đưa vào khai thác.

1957 Đưa vào hoạt động NMN thứ hai, công suất ban đầu 3.700 m³/ngày.

1965 – 1973 Năm 1965, Công quản Nhà máy nước Cần Thơ được thành lập. Đến năm 1972, Công quản Nhà máy nước đổi thành Công ty Cấp thủy Cần Thơ, sau đó đổi thành Trung tâm Cấp thủy Cần Thơ năm 1973.



1975 – 1986 Công ty chuyển đổi 5 cơ quan chủ quản.

1991 Công ty bàn giao Xí nghiệp Cấp nước Sóc Trăng do tách tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng.

1998 Đưa vào sử dụng Nhà máy nước Cần Thơ 2, công suất 40.000 m³/ngày.



2002 Công ty tiếp nhận bộ phận thoát nước và đổi tên thành Công ty Cấp thoát nước Cần Thơ theo Quyết định số 2690/QĐ-CT.UB ngày 12/09/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ.

2004 Công ty bàn giao về tỉnh Hậu Giang 03 chi nhánh cấp nước Phụng Hiệp, Vị Thanh và Long Mỹ và chuyển thành Công ty trực thuộc Tp.Cần Thơ. Ngày 28/06/2004, Công ty Cấp thoát nước Tp.Cần Thơ được chuyển đổi thành Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ do UBND Tp. Cần Thơ sở hữu.



2005 – 2011 Năm 2008: Công ty xây dựng Nhà máy nước Ba Láng, quận Cái Răng, Tp.Cần Thơ. Đến năm 2012, Công ty thoái vốn và tư nhân hóa CTCP Cấp nước Cái Răng.

Ngoài ra, Công ty còn xây dựng thêm nhà máy nước (NMN) Hưng Phú. Bên cạnh đó thực hiện nâng công suất của các NMN: NMN Thốt Nốt, NMN Vĩnh Thạnh, NMN Cần Thơ 1.



2012 - 2014 Công ty xây dựng NMN Bông Vang. Ngày 29/10/2012, Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ. Khởi đầu với Nhà máy nước công suất 121.940 m³/ngày, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con.

Ngày 01/7/2014, Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2 đã hoàn tất cổ phần hóa và chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, phần vốn tại CTCP Cấp nước Cần Thơ 2 đã chuyển về UBND Tp.Cần Thơ quản lý và chính thức tách ra khỏi Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Cần Thơ.



2015 – 2016 Ngày 20/05/2015, Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu tại SGDCK Tp.HCM. Đến 01/07/2015, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi: CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ.

Ngày 16/09/2015, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đơn đăng ký trở thành Công ty đại chúng. Ngày 30/09/2016, Công ty lần đầu tiên giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



2017 – 2019 Năm 2017, Công ty hợp nhất 02 công ty con là Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc và Công ty Cổ phần Cấp nước Ô Môn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.

Năm 2018, Công ty nâng công suất NMN Bông Vang từ 2.500 m³/ngày đêm lên 10.000 m³/ngày đêm.

Năm 2019, UBND Tp. Cần Thơ đã thoái vốn Nhà nước tại Công ty, giảm tỷ lệ sở hữu từ 64% xuống còn 51%.



Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đang hoạt động kinh doanh chủ yếu các lĩnh vực sau:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải.

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

- Quận Ninh Kiều (10/13 phường): phường Hưng Lợi, Xuân Khánh, An Lạc, Tân An, An Hội, An Nghiệp, An Cư, An Phú, An Bình và An Khánh;
- Quận Cái Răng (04/07 phường): phường Hưng Phú, Hưng Thạnh, Tân Phú và Phú Thứ;
- Huyện Phong Điền: thị trấn Phong Điền, xã Mỹ Khánh và các vùng lân cận thuộc huyện Phong Điền.

Công ty con:

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

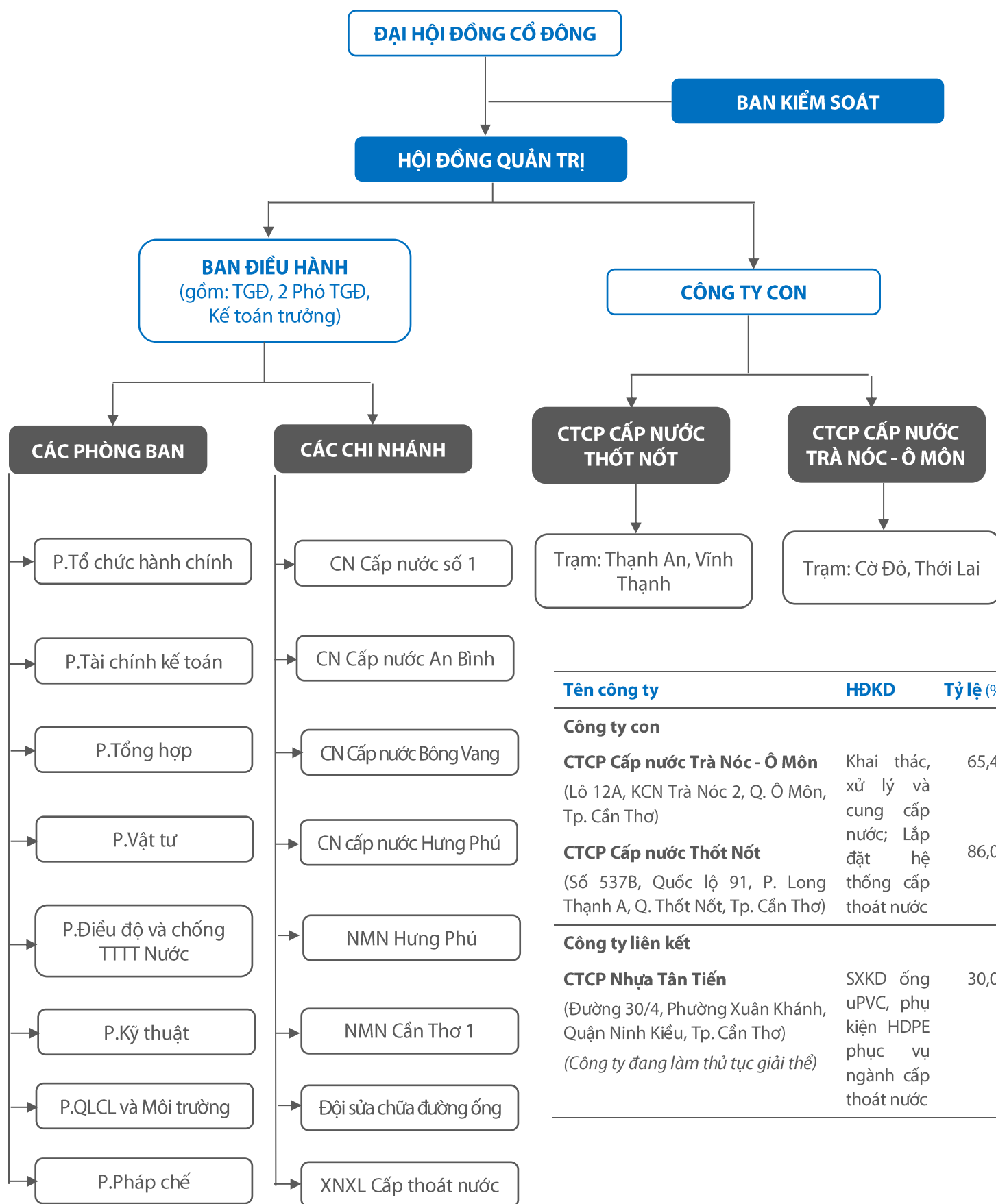
- Ô Môn: một số khu vực phường Châu Văn Liêm, một phần phường Thới Hòa, Phước Thới, Trường Lạc, một số xã, thị trấn của huyện Thới Lai và Cờ Đỏ;
- Trà Nóc: Khu CN Trà Nóc 1, Trà Nóc 2; Khu vực 1, 2, 4, 6 phường Trà Nóc; một số khu vực tại phường Thới An Đông quận Bình Thủy và một số khu vực của phường Phước Thới quận Ô Môn.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt

- Một số phường của quận Thốt Nốt và một số xã, thị trấn của huyện Vĩnh Thạnh.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU TỔ CHỨC



Tên công ty	HĐKD	Tỷ lệ (%)
Công ty con		
CTCP Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn (Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp	65,42
CTCP Cấp nước Thốt Nốt (Số 537B, Quốc lộ 91, P. Long Thạnh A, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ)	thoát nước	86,07
Công ty liên kết		
CTCP Nhựa Tân Tiến (Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ) <i>(Công ty đang làm thủ tục giải thể)</i>	SXKD ống uPVC, phụ kiện HDPE phục vụ ngành cấp	30,00

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển



- ❖ Tìm kiếm, tuyển dụng kỹ sư chuyên ngành để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công ty.
- ❖ Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức, điều chỉnh nhân sự một số phòng ban nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả chi phí công ty.
- ❖ Áp dụng công nghệ thông tin vào hệ thống điều hành và quản lý công ty. Nâng cấp hệ thống quản trị mạng lưới cấp nước nhằm đo chính xác các thông số áp lực, lưu lượng, hạn chế tình trạng thất thoát nước.
- ❖ Tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng, nhằm theo sát nhu cầu thực tế và cải thiện chất lượng dịch vụ.
- ❖ Chú trọng các hoạt động Marketing, xây dựng hình ảnh và thương hiệu nhằm mục đích thu hút đầu tư, mở rộng thị trường.
- ❖ Đáp ứng nhu cầu cấp nước của người dân trong vùng phục vụ được giao theo chủ trương của Chính phủ và thành phố.

Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu phát triển bền vững

- 🎯 Khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường nước nhằm đảm bảo nguồn cung nước sạch, có chất lượng đến người dân trong khu vực.
- 🎯 Đảm bảo đời sống và việc làm của người lao động, góp phần hỗ trợ sự phát triển của dân cư trong vùng phục vụ của Công ty.
- 🎯 Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng đến nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường nước.
- 🎯 Nâng cao năng lực, chuyên môn cho đội ngũ CBCNV, đặc biệt là cán bộ cấp trung đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty.

Mục tiêu chủ yếu

- 🎯 Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2020.
- 🎯 Đầu tư để cải tạo, nâng cấp nhà máy, trạm xử lý nước và mạng lưới cấp nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác xử lý và cung cấp nước.
- 🎯 Tạo điều kiện để công nhân viên công ty được tham gia các khóa huấn luyện kỹ năng chuyên môn và kỹ năng phát triển bản thân.



Rủi ro kinh tế

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp nước sinh hoạt, vì vậy, các yếu tố về kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty nhưng lại có ảnh hưởng gián tiếp thông qua sự phát triển của đô thị cũng như tình hình đầu tư tại địa phương. Cụ thể, khi Tp. Cần Thơ thu hút được vốn đầu tư, kinh tế ngày càng phát triển thì hoạt động công nghiệp cũng có xu hướng phát triển theo, kéo theo sự dịch chuyển của lực lượng lao động từ các vùng nông thôn cũng như ở khu vực lân cận đến Tp. Cần Thơ. Khi đó, nhu cầu về nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất sẽ tăng lên, tạo điều kiện cho Công ty tăng doanh thu, mở rộng kinh doanh.

Trong năm vừa qua, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có dấu hiệu chậm lại bởi ảnh hưởng của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng như sự giảm tốc độ tăng trưởng của xuống một số nước lớn. Tăng trưởng GDP toàn cầu giảm nhẹ từ 3,1% năm 2018 xuống 2,9% năm 2019. Chủ nghĩa bảo hộ gia tăng gây tác động xấu đến hoạt động thương mại toàn cầu. Tình hình đầu tư cũng không lạc quan do các điều kiện huy động vốn bị thắt chặt.

Dù vậy, kinh tế Việt Nam vẫn đạt được kết quả khả quan nhờ sức cầu mạnh trong nước. GDP cả năm tăng 7,02%, là năm thứ hai liên tiếp đạt mức tăng trưởng trên 7% kể từ năm 2008 trở lại đây. Về Tp. Cần Thơ, kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 7,84%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản, tăng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Chỉ số phát triển công nghiệp năm 2019 tăng khoảng 7,85% so với năm 2018. Một số sản phẩm đạt mức tăng trưởng khá, như phi lê đông lạnh tăng 22,58%, dứa phẩm tăng 19,01%, xi măng tăng 16,81%, tôm đông lạnh tăng 16,79%, quần áo tăng 2,64%,... Thương mại - dịch vụ phát triển đa dạng nhiều loại hình, tỷ trọng đóng góp khu vực dịch vụ chiếm 59,34% GRDP.

Trong xu hướng chung khả quan đó, Công ty kỳ vọng sẽ đạt được sự tăng trưởng bền vững trong những năm tới. Tuy nhiên, Công ty không chủ quan, vẫn luôn theo dõi, cập nhật tình hình kinh tế chung để đưa ra các chính sách phát triển phù hợp.



Rủi ro pháp luật

Các chính sách pháp luật chi phối trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Nếu không nắm rõ các quy định pháp luật dẫn đến việc vi phạm pháp luật, các doanh nghiệp có thể phải chịu thiệt hại về mặt tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục cũng có thể bị ảnh hưởng. Bên cạnh việc tuân thủ các văn bản Luật và dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Lao động, ... Công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi Luật tài nguyên nước, quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, và Luật Bảo vệ môi trường quy định về hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó có bảo vệ môi trường nước.

Hiện nay, Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/07/2018. Do đó, Công ty luôn quan tâm chú ý và tiếp tục điều chỉnh hoạt động tuân theo các quy định hiện hành. Bên cạnh đó, các chính sách pháp luật của nước ta, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế được dự báo sẽ có sự thay đổi trong thời gian tới do Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam, thu hút nguồn vốn nước ngoài. Vì vậy, Công ty liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp.



Rủi ro đặc thù

Rủi ro về đơn giá đầu ra

Nước sạch sinh hoạt là một tài nguyên quan trọng, do Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể (ở đây chính là do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ phê duyệt mức giá nước mà doanh nghiệp đưa ra dựa theo các quy định về tính giá). Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước có thể xem xét điều chỉnh giá khi có biến động như thay đổi công nghệ xử lý nước, quy chuẩn về chất lượng dịch vụ, các thay đổi về cơ chế chính sách có liên quan. Tuy nhiên hiện nay các chi phí đầu vào có xu hướng tăng nhưng đơn giá không được điều chỉnh kịp thời. Điều này gây ra cho các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và Công ty nói riêng những khó khăn nhất định về mặt tài chính, đòi hỏi doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm thiểu chi phí, đạt được lợi nhuận mục tiêu.



Rủi ro về môi trường

Chất lượng của nguồn nước là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước để tạo ra nước sạch. Nguồn nước của Công ty chủ yếu lấy từ sông Hậu, sông Cần Thơ và các nhánh. Theo báo cáo diễn biến chất lượng môi trường hằng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường Cần Thơ thì nguồn nước sông Hậu, sông Cần Thơ và các kênh rạch thay đổi, tạo thêm nhiều khó khăn cho Công ty trong quá trình xử lý nước. Để giải quyết tình trạng đó, Công ty đã đầu tư cải tạo công nghệ lắng, lọc nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nước.

Công ty cũng luôn ý thức đảm bảo các hoạt động của mình không gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp thoát nước. Ngoài ra, Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với vấn đề phát triển bền vững, khai thác nguồn nước hợp lý để bảo vệ tài nguyên nước cho tương lai.

Rủi ro hoạt động

Rủi ro thất thoát nước

Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước. Nguyên nhân của tình trạng này có thể do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ hoặc do các công trình khác vô tình tác động đến hệ thống đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính cho Công ty.

Rủi ro từ rác thải

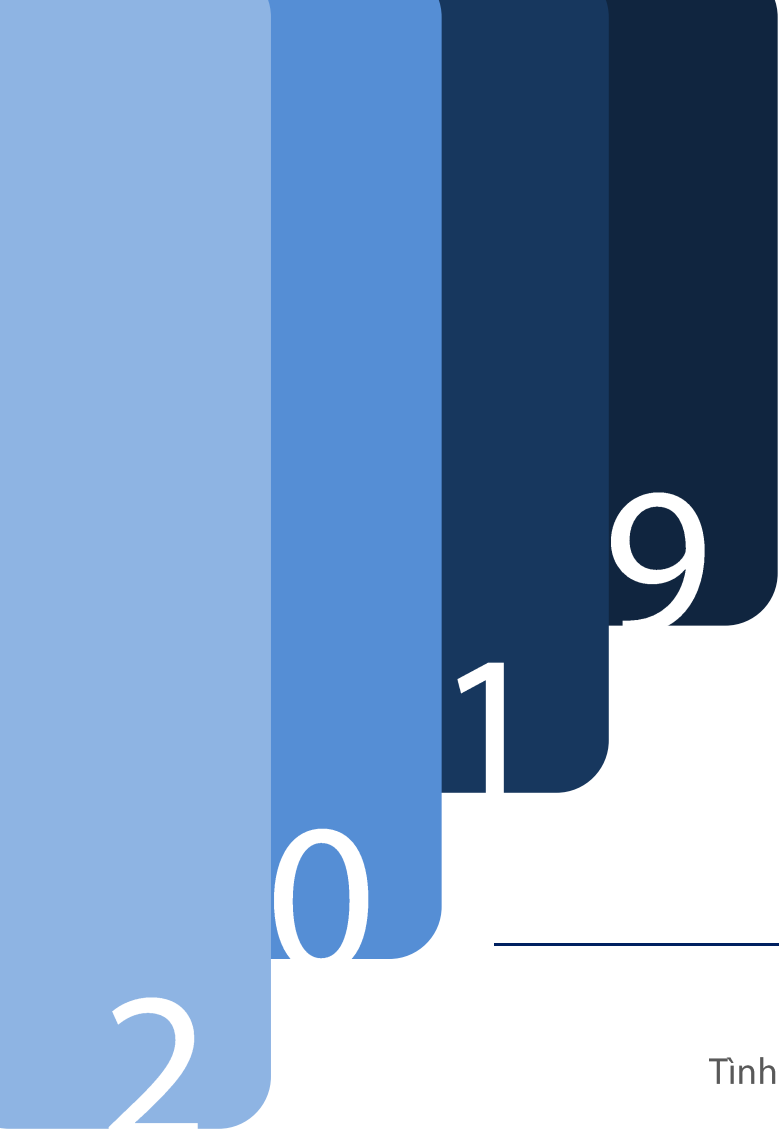
Hoạt động cấp nước cũng như thoát nước của Công ty chịu ảnh hưởng bởi tình trạng ô nhiễm do rác thải. Cụ thể, nếu dòng sông bị ô nhiễm, hoạt động xử lý nước sông để tạo ra nước sạch của Công ty sẽ khó khăn hơn, doanh nghiệp phải tốn thêm chi phí nhân công, phương tiện, thiết bị, hóa chất để thu gom rác và xử lý nước nhiều hơn. Về mặt thoát nước, rác thải bị vớt bừa bãi xuống cống có thể gây ảnh hưởng đến quá trình thoát nước mưa, làm dòng chảy bị tắc nghẽn. Rác thải này cũng gây khó khăn cho công nhân của Công ty khi thực hiện bảo trì, sửa chữa đường ống.



Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty, còn có một số rủi ro hiếm xảy ra nhưng có thể gây ra những thiệt hại lớn cho Công ty. Đó là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,...

Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội, ... thực hiện mua đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết trong năm.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	12
Tổ chức và Nhân sự	13
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	17
Tình hình tài chính	19
Thông tin cổ đông và cổ phần	21
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	22



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



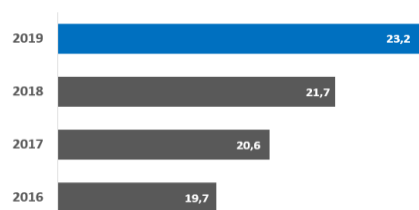
☑ **23,20** triệu m³

Sản lượng nước sản xuất 2019

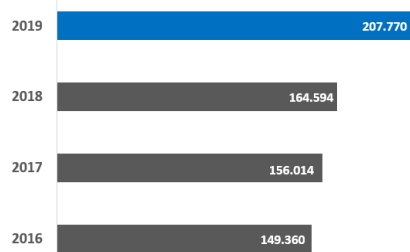
☑ **17,91** %

Tỷ lệ thất thoát nước 2019

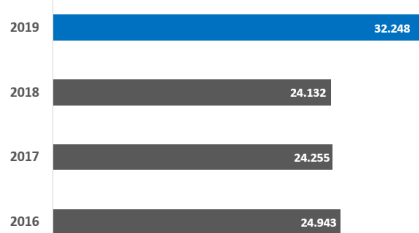
Tình hình hoạt động kinh doanh



Sản lượng nước (triệu m³)



Doanh thu thuần (triệu VND)



Lợi nhuận sau thuế (triệu VND)

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực cấp - thoát nước trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.



	2019	2018	So sánh (%)	KH2019
Sản lượng nước sản xuất (Triệu m ³)	23,20	21,70	▲ 6,91	22,40
Tỷ lệ thất thoát nước (%)	17,91	23,48	▼ 5,57	22%
Doanh thu (Triệu VND) (*)	216.488	175.008	▲ 23,70	200.000
Lợi nhuận sau thuế (Triệu VND) (*)	32.248	24.132	▲ 33,63	31.600

(*) Kết quả kinh doanh của riêng CanThoWassco. Trong đó, doanh thu gồm: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

Năm 2019, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định và doanh thu tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc ghi nhận doanh thu dịch vụ xử lý nước thải, giá tiêu thụ nước sạch được điều chỉnh tăng trong năm 2019, cùng đó là sản lượng nước sản xuất tăng khoảng 7% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, doanh thu năm 2019 của Công ty đạt 216,49 tỷ đồng, tăng 23,70% so với năm 2018 và hoàn thành 108,24% kế hoạch năm.

Ngoài ra, với việc kiểm soát hiệu quả tỷ lệ thất thoát nước đã góp phần đưa biên lợi nhuận gộp của Công ty tăng từ 35,45% lên 44,60% trong năm 2019. Đồng thời, đây cũng là nguyên nhân giúp lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt được tốc độ tăng trưởng 33,63%, cao hơn tốc độ tăng trưởng của doanh thu, và hoàn thành 102,05% kế hoạch năm.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Lộc

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1964

Học vấn Kỹ sư Địa chất, Cử nhân QTKD.

Quê quán Kiên Giang.

Tổng số CP nắm giữ 7.845.100 cổ phần, chiếm 28,02% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu 7.840.000 cổ phần, chiếm (UBND Tp.Cần Thơ) 28,00% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu 5.100 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Tùng Nguyên

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1972

Học vấn Thạc sĩ Kỹ thuật.

Quê quán Vĩnh Long.

Tổng số CP nắm giữ 4.491.600 cổ phần, chiếm 16,04% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu 4.480.000 cổ phần, chiếm (UBND Tp.Cần Thơ) 16,00% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu 11.600 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.

Bà Phan Thị Thiên

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1966

Học vấn Cử nhân QTKD, Trung cấp Cấp thoát nước.

Quê quán Cần Thơ.

Tổng số CP nắm giữ 1.965.600 cổ phần, chiếm 7,02% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu 1.960.000 cổ phần, chiếm (UBND Tp.Cần Thơ) 7,00% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu 5.600 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Ông Ngô Đức Vũ

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1976

Học vấn Thạc sĩ Quản trị tài chính, Thạc sĩ QTKD.

Quê quán Bắc Giang.

Tổng số CP nắm giữ 3.374.000 cổ phần, chiếm 12,05% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu 3.374.000 cổ phần, chiếm (CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn) 12,05% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu Không có.

Ông Lê Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1984

Học vấn Thạc sĩ QTKD.

Quê quán Hà Nội.

Tổng số CP nắm giữ 6.310.400 cổ phần, chiếm 22,54% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu 6.310.400 cổ phần, chiếm (CTCP Đầu tư Ngành nước DNP) 22,54% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu Không có.

Những thay đổi trong HĐQT năm 2019:

Không có.

Ban Kiểm soát

Bà Lâm Nguyệt Thanh

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1976

Học vấn	Thạc sĩ Kinh tế.
Quê quán	Cần Thơ.
Tổng số CP nắm giữ	5.300 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	Không có.
Cá nhân sở hữu	5.300 cổ phần, chiếm 0,019% vốn điều lệ.

Bà Ngô Hồng Hạnh

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1978

Học vấn	Cử nhân Kinh tế.
Quê quán	Cần Thơ.
Tổng số CP nắm giữ	1.300 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	Không có.
Cá nhân sở hữu	1.300 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.

Bà Phan Thùy Giang

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1979

Học vấn	Cử nhân Kinh tế.
Quê quán	Nghệ An.
Tổng số CP nắm giữ	Không có.
Đại diện sở hữu	Không có.
Cá nhân sở hữu	Không có.

Những thay đổi trong BKS năm 2019:

Không có.

Ban điều hành

Ông Nguyễn Tùng Nguyên

Tổng Giám đốc Chi tiết tại Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

Bà Phan Thị Thiên

Phó Tổng Giám đốc Chi tiết tại Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị.

Ông Huỳnh Thiện Đình

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1967

Học vấn	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm.
Quê quán	Vĩnh Long.
Tổng số CP nắm giữ	6.900 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	Không có.
Cá nhân sở hữu	6.900 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ.

Bà Trần Thị Kiều Phương

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1965

Học vấn	Cử nhân kinh tế.
Quê quán	Tp.HCM.
Tổng số CP nắm giữ	6.100 cổ phần, chiếm 0,022% vốn điều lệ.
Đại diện sở hữu	Không có.
Cá nhân sở hữu	6.100 cổ phần, chiếm 0,022% vốn điều lệ.

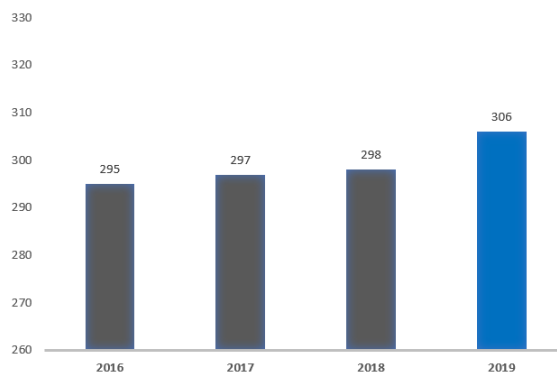
Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2019: Không có.

Tình hình lao động

Tình hình lao động

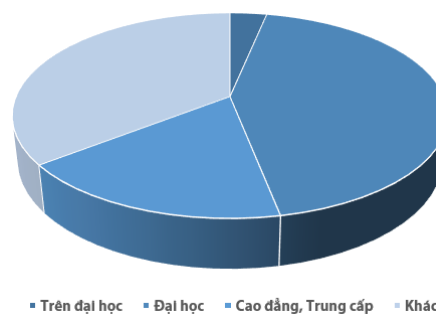
Tổng số lao động năm 2019

306 100%



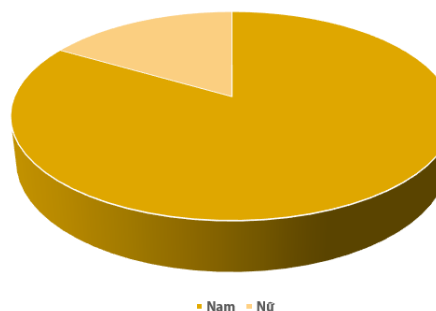
Phân loại theo trình độ chuyên môn

+ Trên đại học	10	3%
+ Đại học	133	44%
+ Cao đẳng, Trung cấp	55	18%
+ Khác	108	35%

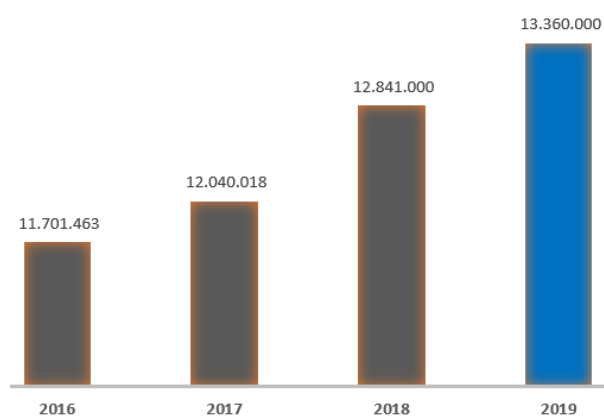


Phân loại theo giới tính

+ Nam	255	83%
+ Nữ	51	17%



Thu nhập bình quân của người lao động



Tính đến thời điểm cuối năm 2019, tổng số lượng lao động của Công ty đạt 306 người, tăng thêm 8 nhân sự so với năm 2018.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2019 của Công ty đạt mức 13.360.000 đồng/người/tháng, tăng 4% so với năm 2018. Nhìn chung, thu nhập bình quân đầu người tăng dần đều qua các năm. Điều này cho thấy chính sách phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên của Công ty ngày càng tốt hơn, góp phần tạo động lực cho người lao động phấn đấu làm việc vì sự nghiệp phát triển chung của Công ty.

Môi trường làm việc

Nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên của Công ty có thể làm việc trong một môi trường lành mạnh, năng động, có cơ hội phát huy năng lực của bản thân. Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc hỗ trợ tối đa cho người lao động. Nơi làm việc được đảm bảo kang trang, sạch sẽ. Đối với những người lao động làm việc trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ thiết bị bảo đảm an toàn cho người lao động trong quá trình thực hiện công tác.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Cán bộ công nhân viên được nhận lương theo đúng quy chế lương nội bộ Công ty và phù hợp với các quy định của Nhà nước. Công ty luôn đảm bảo chi trả đúng thời hạn, đầy đủ, và công bằng cho người lao động. Ngoài ra, cán bộ công nhân viên Công ty được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật lao động.

Quý thưởng của Công ty phụ thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty. Mức thưởng dành cho người lao động sẽ phụ thuộc vào tính chất công việc và mức độ hoàn thành công việc. Ngoài ra, đối với những cá nhân có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến vào công việc chung của toàn Công ty sẽ được cân nhắc thưởng đột xuất.

Công ty còn chú trọng đến những khía cạnh khác về đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Hàng năm vào dịp Tết nguyên đán, Công ty luôn có chương trình thăm hỏi các cán bộ công nhân viên đã nghỉ hưu. Công ty còn có chính sách tặng thưởng cho con em của người lao động đạt thành tích cao trong học tập. Ngoài ra, Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động tham gia vào các hoạt động Đoàn, hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện và các hoạt động văn nghệ - thể thao khác. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tập thể người lao động và tổ chức tham quan định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.

Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng có vai trò quan trọng, tiên quyết trong việc đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Một chính sách tốt, phù hợp sẽ giúp Công ty có được lực lượng lao động có chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong tương lai. Do đó, để việc tuyển dụng phát huy hiệu quả, Công ty tiến hành xây dựng những bản mô tả công việc chi tiết với nhiệm vụ và những yêu cầu cần có. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chuẩn hóa quy trình tuyển dụng cho từng phòng ban. Nội dung của từng bước trong quy trình tuyển dụng cũng được chú trọng, cập nhật sao cho phù hợp với thực tế công việc.

Chính sách đào tạo

Bên cạnh công tác tuyển chọn, Công ty cũng chú trọng hoạt động đào tạo cho người lao động nhằm tạo ra một lực lượng lao động ngày càng vững vàng về mặt chuyên môn, nghiệp vụ. Công ty đã xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích cán bộ nâng cao trình độ, phát triển năng lực cá nhân. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, đào tạo ngắn hạn và dài hạn. Có chính sách khen thưởng để động viên, khuyến khích cán bộ, công nhân viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngoài ra, Công ty luôn khuyến khích cán bộ, công nhân viên tham gia các hoạt động nghiên cứu, đóng góp sáng kiến phát triển ngành cấp thoát nước đô thị nhằm phục vụ cho sự phát triển chung của toàn ngành, đáp ứng sự phát triển về kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới. Đồng thời, các hoạt động nghiên cứu trở thành tài sản về khoa học, công nghệ, tạo nền tảng cho các dự án phát triển và kỹ thuật tại Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết



Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt (công ty con)

Trụ sở: 537B Long Thạnh A, QL91, phường Thốt Nốt, Tp.Cần Thơ

CTCP Cấp nước Thốt Nốt quản lý 01 Nhà máy nước và 02 trạm cấp nước với tổng công suất thiết kế 13.940 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Nhà máy nước Thốt Nốt có công suất 10.000 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Thạnh An có công suất 720 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Vĩnh Thạnh có công suất 3.220 m³/ngày đêm.

Công ty có trách nhiệm cấp nước tại:

- Khu vực đô thị quận Thốt Nốt.
- Khu vực đô thị Thạnh An và thị trấn Vĩnh Thạnh.



Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn (công ty con)

Trụ sở: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, Q.Phước Thới, Q.Ô Môn, Tp.Cần Thơ.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn quản lý 02 nhà máy nước, 02 trạm cấp nước với tổng công suất thiết kế 28.000 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Nhà máy nước Ô Môn có công suất 2.500 m³/ngày đêm.
- Nhà máy nước Trà Nóc có công suất 20.000 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Thới Lai có công suất 2.500 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Cờ Đỏ có công suất 3.000 m³/ngày đêm.

Công ty trực tiếp quản lý địa bàn cấp nước sạch tại KCN Trà Nóc 1 và Trà Nóc 2; các phường Trà Nóc và Thới An Đông thuộc Q.Bình Thủy và phường Phước Thới thuộc Q.Ô Môn.



Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ (công ty liên kết)

Trụ sở: Đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục giải thể.

Tình hình thực hiện dự án



Trong năm 2019, Công ty thực hiện đầu tư nhiều dự án nhằm cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước, trong đó phần lớn các dự án đều hoàn thành đúng tiến độ.



Tổng kinh phí đầu tư dự kiến đầu năm 2019 là 98,29 tỷ đồng. Qua một năm thực hiện, do công tác giải phóng mặt bằng, phụ thuộc vào tiến độ thực hiện của các công trình hạ tầng khác, tình hình tài chính, đồng thời Công ty tập trung cho các công trình chuyển tiếp của năm trước nên chưa triển khai đầu tư và chuẩn bị đầu tư như dự kiến. Do đó, dự toán đầu tư năm 2019 là 58,57 tỷ đồng. Giá trị đã thanh toán trong năm 2019 là 36,12 tỷ đồng, chi phí chuyển tiếp năm 2020 do một số công trình dở dang và chi phí tất toán là 22,93 tỷ đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Tên công trình – hạng mục	Tổng dự toán	Giá trị thanh toán	Dự kiến thanh toán chuyển qua 2020
Công trình chuyển tiếp năm trước	108.291	14.523	12.072
Công trình triển khai đầu tư trong năm	42.229	21.600	10.857
Mở rộng mạng lưới cấp nước huyện Phong Điền	1.955	541	828
Mở rộng mạng lưới cấp nước quận Cái Răng	2.547	875	904
Cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ninh Kiều	10.048	2.425	4.585
Cải tạo hệ thống ống chuyển tải D.600, D.375	13.190	9.540	681
Lắp đặt ống chuyển tải mới	4.262	1.840	1.440
Công trình xây dựng cơ bản và công trình khác	7.437	5.460	1.204
Cải tạo, sửa chữa văn phòng, nhà máy nước	1.732	483	1.122
Thiết lập DMA	1.058	436	93
Tổng cộng	150.520	36.123	22.929



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính (hợp nhất)	2019 (Triệu VND)	2018 (Triệu VND)	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	869.587	816.085	▲ 6,56
Doanh thu thuần	296.608	238.857	▲ 24,18
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.582	42.456	▲ 35,63
Lợi nhuận khác	(121)	3.891	-
Lợi nhuận trước thuế	57.461	46.347	▲ 23,98
Lợi nhuận sau thuế	45.723	37.643	▲ 21,46
Tỷ lệ cổ tức (% mệnh giá)	Dự kiến 6,80%	5,73%	▲ 1,07

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)

	2019	2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,97	2,78
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	2,61	2,38
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/tổng tài sản (%)	51,93	51,06
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (%)	108,02	104,32
Hệ số nợ vay/vốn chủ sở hữu (%)	27,56	29,77
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	4,00	3,82
Doanh thu thuần/tổng tài sản (lần)	0,35	0,31
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần (ROS, %)	15,42	15,76
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE, %)	11,19	9,57
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA, %)	5,42	4,83
Lợi nhuận thuần từ HĐKD/doanh thu thuần (%)	19,41	17,77

Khả năng thanh toán

Năm 2019, khả năng thanh toán của Công ty tiếp tục được duy trì ở mức tốt với các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 lần và cải thiện hơn so với năm 2018. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 đã tăng từ 2,78 lần năm 2018 lên 2,97 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,38 lần lên 2,61 lần.

Điều này cho thấy các tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao của Công ty luôn đủ để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong ngắn hạn.

Cơ cấu vốn

Trong hai năm 2018 và 2019, hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty được duy trì ổn định quanh mức 51-52%.

Trong năm 2019, hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu đã giảm nhẹ từ 29,77% năm 2018 xuống còn 27,56%, chủ yếu đến từ khoản nợ vay ngắn hạn.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản trong năm 2019 đều được cải thiện so với năm 2018.

Điều này cho thấy Công ty đã quản lý tốt hàng tồn kho và sử dụng hiệu quả tài sản để tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lợi trong năm 2019 đều được cải thiện so với năm 2018. Cụ thể, chỉ số ROE đã tăng từ 9,57% lên 11,19%, chỉ số ROA đã tăng từ 4,83% lên 5,42% và chỉ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần đã tăng từ 17,77% lên 19,41%.

Riêng đối với chỉ số ROS đã giảm nhẹ từ 15,76% năm 2018 xuống 15,42% năm 2019. Nguyên nhân do lợi nhuận năm 2018 của Công ty bao gồm khoản thu nhập bất thường từ việc bồi thường di dời hệ thống cấp nước. Do đó, nếu tính trên cơ sở hoạt động kinh doanh chính thì biên lợi nhuận của Công ty vẫn được cải thiện so với cùng kỳ năm trước.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ CỔ PHẦN

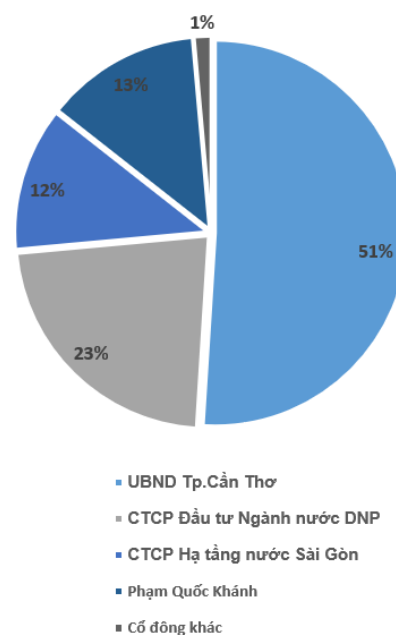
Thông tin cổ đông và cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/05/2019 như sau:

Vốn điều lệ	280.000.000.000	VND
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	28.000.000	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	27.998.600	cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	1.400	cổ phiếu
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000	VND

Cơ cấu cổ đông & cổ đông lớn

Cơ cấu cổ đông	31/05/2019				29/03/2018	
	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu
Trong nước	99,995	233	27.998.600	99,995	242	27.998.600
Cá nhân	1,408	230	394.200	1,408	239	394.200
Tổ chức	98,587	3	27.604.400	98,587	3	27.604.400
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	0,005	1	1.400	0,005	1	1.400
Tổng cộng	100	235	28.000.000	100	243	28.000.000

Cổ đông lớn	19/09/2019		29/03/2018	
	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu
Ủy ban Nhân dân Tp. Cần Thơ	51,00	14.280.000	64,00	17.920.000
CTCP Đầu tư Ngành nước DNP	22,54	6.310.400	22,54	6.310.400
CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn	12,05	3.374.000	12,05	3.374.000
Phạm Quốc Khánh	12,99	3.637.000	-	-
Tổng cộng	98,58	27.601.400	98,59	27.604.400



(*) Danh sách cổ đông lớn được tính đến ngày 19/09/2019 căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt ngày 31/05/2019, Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của UBND Tp. Cần Thơ ngày 30/08/2019 và Báo cáo về ngày trở thành cổ đông lớn của ông Phạm Quốc Khánh ngày 17/09/2019.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Quản lý nguồn nguyên liệu

Tổng nguồn nguyên liệu tiêu thụ trong năm như sau:

Nguyên liệu	ĐVT	Năm 2018		Năm 2019	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³
Nhà máy nước Cần Thơ 1					
PAC	Kg	178.423	7,67g	186.367	8,50g
Clor	Kg	39.010	1,68g	37.139	1,70g
Nhà máy nước Hưng Phú					
PAC	Kg	33.939	7,80g	36.115	8,50g
Clor	Kg	5.972	1,40g	6.970	1,65g
Nhà máy nước Bông Vang					
PAC	Kg	8.340	8,90g	24.985	10,70g
Clor	Kg	1.190	1,30g	5.550	2,38g

Công ty sử dụng Clor và PAC cho quá trình lắng, lọc và tiệt trùng nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và khách hàng. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình xử lý nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng.

Năm 2019, liều lượng PAC được Công ty sử dụng từ 8,50 – 10,70g/m³, đây là liều lượng dành cho nước đục cao (800 – 1.200mg/l). Về liều lượng Clor, trung bình Công ty sử dụng từ 1,65 – 2,38g/m³ nước tại 03 Nhà máy nước: Cần Thơ 1, Hưng Phú và Bông Vang. Nhìn chung, lượng PAC, Clor sử dụng tính trên 1m³ nước năm 2019 so với năm 2018 tăng không đáng kể.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ điện năng và nhiên liệu là dầu diesel để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Điện năng chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước. Dầu diesel chỉ được sử dụng để chạy máy phát điện khi mất điện. Tình hình sử dụng năng lượng trong năm 2019 của Công ty như sau:

Nguồn năng lượng	ĐVT	NMN Cần Thơ 1		NMN Hưng Phú		NMN Bông Vang	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên 1 m ³
Điện năng	Kw	4.612.207	0,193	957.259	0,226	482.512	0,207
Dầu diesel	Lít	1.172		3.686		150	

Trong bối cảnh sử dụng quá mức các loại nhiên liệu hóa thạch khiến trữ lượng tài nguyên này suy giảm nhanh chóng, đồng thời khiến tình trạng ô nhiễm không khí ngày càng trầm trọng, gây ra hiện tượng El Nino, đã và đang để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng cho đời sống nhân dân miền Tây Nam Bộ, Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu này và khuyến khích tập thể người lao động tiết kiệm nhiên liệu trong sản xuất và đời sống. Bên cạnh đó, trong năm HĐQT Công ty đã thống nhất thông qua chủ trương sử dụng điện năng lượng mặt trời song song với điện lưới tại Nhà máy nước Hưng Phú và Nhà máy nước Bông Vang. Qua đó đã góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất nước.

Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của Công ty. Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu từ sông Hậu và sông Cần Thơ, thông qua quá trình xử lý nước như xử lý phèn, lắng cặn, lọc nước, khử trùng, ... để sản xuất nguồn nước sạch cung cấp cho sinh hoạt, sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y Tế QCVN1/2009/BYT.

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng nước theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015 tại 02 Nhà máy nước Cần Thơ 1, Nhà máy nước Hưng Phú và vận hành ISO về Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; vận hành Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, hoàn thiện biểu mẫu theo quy chuẩn đưa vào áp dụng.

Công ty cũng luôn chú trọng khai thác nước hợp lý nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công và phát triển bền vững của Công ty. Chính vì thế, hàng năm, Công ty luôn tích cực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên. Công ty luôn tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên được làm việc trong môi trường an toàn, lành mạnh, được tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý, tham gia các chuyên đề nghiên cứu khoa học, phát triển năng lực bản thân. Ngoài ra, cán bộ, công nhân viên còn tổ chức các hoạt động văn nghệ thể thao để tăng cường giao lưu giữa các phòng ban, nâng cao tinh thần đoàn kết và phối hợp giữa các bộ phận trong thực hiện công tác chung.

Trong năm 2019, Công ty tổ chức thành công Hội nghị Đại biểu người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên chức – lao động. Bên cạnh đó, Công ty đã trao nhà “Mái ấm công đoàn” cho người lao động, góp phần hỗ trợ đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác, phấn đấu vì sự phát triển chung.

Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng và quan tâm đến công tác xã hội, hỗ trợ cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Trong năm, Công ty đã tổ chức chăm lo tết cho người nghèo, ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam, ủng hộ thanh niên lên đường nhập ngũ, tặng quà các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn trong học tập,... Đảng bộ Công ty cũng đã tổ chức về nguồn thăm di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu – Quốc Tử Giám và Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm qua, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường. Cụ thể, Công ty luôn có các phương án xử lý đối với từng loại chất thải khác nhau.

Đối với nước thải trong sản xuất

Nước thải được thu gom vào bể lắng bùn. Do thiết kế bể lắng bùn có diện tích tương đối nên nước thải ở đây lắng bùn xuống đáy, lượng nước trong ở trên chảy tràn ra nguồn tiếp nhận. Để đánh giá mức độ ô nhiễm, Công ty tiến hành lấy mẫu định kỳ gửi Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Tp.Cần Thơ phân tích các chỉ tiêu của nước thải theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN40/2011.

Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà vệ sinh được thu và xử lý trước khi thải vào môi trường tiếp nhận. Tại các nhà máy và trụ sở làm việc đều có các bể tự hoại để xử lý.

Đối với khí thải

Hoạt động sản xuất chủ yếu tiêu thụ điện năng nên không thải ra khí thải. Máy phát điện chỉ sử dụng khí mất điện đột xuất hay có thông báo của điện lực, nên nguồn phát sinh khí thải không đáng kể. Máy phát điện khi hoạt động có thải ra khí thải nhưng ống thải khí được bố trí nằm giữa khuôn viên rộng lớn của nhà máy nên không ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu dân cư. Bên cạnh đó, xung quanh nhà máy trồng rất nhiều cây xanh nên khí thải sẽ được xử lý thông qua nhiều lớp cây xanh.

Ngoài ra, trong quá trình vận hành Nhà máy xử lý nước thải, Công ty vẫn đảm bảo thu gom rác thải nguy hại, khí thải và chất lượng nước thải đầu ra đạt theo quy định.

**Tuân thủ pháp luật
về bảo vệ môi trường
(tiếp theo)**

Đối với rác thải sinh hoạt

Rác thải của cán bộ, công nhân viên nhà máy được thu gom cho vào các thùng riêng biệt, trong thùng có lót bọc nhằm tránh rơi rớt rác trong quá trình vận chuyển; thùng được để cách xa khu vực ăn uống, nhà dân lân cận. Hằng ngày có đơn vị thu gom rác đến thu gom tại khu vực nhà máy. Rác thải khác không nguy hại được xử lý đốt trong khuôn viên nhà máy. Bên cạnh đó, nhà máy đã bố trí các thùng rác ở những nơi thường tập kết rác. Hằng ngày, nhân viên của CTCP Đô thị Tp. Cần Thơ đến thu gom và vận chuyển chất thải thông thường của Nhà máy đến bãi rác để xử lý.

Do đặc thù của ngành cấp nước là khai thác, sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt nên chất thải nguy hại gần như không đáng kể, nên không đáng lo ngại. Tuy nhiên, Công ty vẫn có những quy định để xử lý những loại chất thải này. Các chất thải nguy hại chủ yếu là giẻ lau dính nhớt trong quá trình sửa chữa sự cố máy bơm và các bóng đèn huỳnh quang bị hư. Các chất thải này đều tập trung vào một chỗ tại nhà máy, sau đó Công ty sẽ tìm đơn vị thu gom và xử lý để ký hợp đồng thu gom.



2019

BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 27

Tình hình tài chính 29

Các kết quả, tiến bộ nổi bật đã đạt được trong năm 31

Kế hoạch phát triển trong tương lai 32



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ thực hiện cung cấp nước sạch và dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đây là một trong 4 địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, được Trung ương đầu tư xây dựng nhiều công trình giao thông trọng điểm, mang tính chiến lược. Thành phố hiện đang tập trung phát triển công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch và hạ tầng phát triển du lịch, công nghiệp phụ trợ, thương mại và dịch vụ... Đây là cơ sở nền tảng giúp cho hoạt động ngành công nghiệp tại địa phương phát triển, đồng thời thu hút lực lượng lao động từ các vùng nông thôn cũng như khu vực lân cận. Điều này kéo theo sự gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch cho sinh hoạt cũng như cho hoạt động sản xuất kinh doanh, mở ra cơ hội cho Công ty mở rộng thị trường, tăng trưởng doanh thu.

Doanh thu năm 2019

216.488 triệu VND

đạt 108% kế hoạch 2019

▲ **24%**

so với năm 2018

Lợi nhuận sau thuế năm 2019

32.248 triệu VND

đạt 102% kế hoạch 2019

▲ **34%**

so với năm 2018

Sản lượng nước sản xuất năm 2019

23,2 triệu m³

đạt 103% kế hoạch 2019

▲ **7%**

so với năm 2018

Tỷ lệ thất thoát nước năm 2019

17,91 %

▼ 4,09% kế hoạch 2019

▼ **5,57** %

so với năm 2018

(*) Kết quả kinh doanh của riêng CanThoWassco.

Kết quả kinh doanh (hợp nhất)	2019 (triệu VND)	2018 (triệu VND)	So sánh (%)
Doanh thu thuần	296.608	238.857	▲ 24,18
<i>Tiêu thụ nước & thoát nước</i>	270.160	228.105	▲ 18,44
<i>Lắp đặt, chuyển nhượng vật tư,...</i>	26.448	10.752	▲ 145,98
Giá vốn hàng bán	163.355	146.231	▲ 11,71
<i>Tiêu thụ nước & thoát nước</i>	147.128	139.679	▲ 5,33
<i>Lắp đặt, chuyển nhượng vật tư,...</i>	16.227	6.552	▲ 147,66
Lợi nhuận gộp	133.253	92.626	▲ 43,86
<i>Tiêu thụ nước & thoát nước</i>	123.032	88.426	▲ 39,14
<i>Lắp đặt, chuyển nhượng vật tư,...</i>	10.221	4.200	▲ 143,36
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	57.582	42.456	▲ 35,63
Lợi nhuận trước thuế	57.461	46.347	▲ 23,98
Lợi nhuận sau thuế	45.723	37.643	▲ 21,46

Năm 2019 là năm có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2015-2019, tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể như : Sản lượng nước chuẩn thu tăng 7%, doanh thu tăng 24%, lợi nhuận sau thuế tăng 34% và tỷ lệ thất thoát nước giảm 5,57%,... So với kế hoạch 2019, tất cả các chỉ tiêu đều đạt trên 100%, tỷ lệ thất thoát giảm 4,09%,... do nhu cầu sử dụng nước của khách hàng tăng, giá nước được điều chỉnh tăng vào ngày 01/3/2019, doanh thu dịch vụ xử lý nước thải được ghi nhận sau thời gian dài thực hiện các thủ tục theo quy định của Nhà nước, dịch vụ thoát nước cũng được triển khai sớm hơn so với năm 2018,...

Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về thoái vốn nhà nước, tăng tỷ lệ cung cấp nước sạch vùng phục vụ, nộp thuế và đóng bảo hiểm cho NLĐ đúng đủ. Cung cấp nước sạch an toàn, chất lượng và liên tục; kịp thời thực hiện dịch vụ thoát nước theo yêu cầu của Chủ đầu tư; triển khai các công trình cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước theo kế hoạch năm; tiến độ dự án thoát nước và xử lý nước thải đảm bảo theo chỉ đạo của UBND TP. Công tác quản lý điều hành, phục vụ khách hàng không ngừng được cải tiến. Phát hiện và xử lý một số trường hợp vi phạm hợp đồng sử dụng nước, ý thức thực thi công việc của CBCNV-NLĐ ngày càng được nâng cao, tích cực hơn, đáp ứng yêu cầu mới, việc sử dụng lao động hiệu quả hơn. Việc làm, đời sống và chính sách đối với NLĐ luôn được lãnh đạo đơn vị quan tâm sâu sát.



Bên cạnh đó năm 2019 cũng còn một số chỉ tiêu, công tác nghiệp vụ cần cải thiện trong thời gian tới như: Ký kết vùng phục vụ với huyện Phong Điền; hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty; tiến độ thi công và quyết toán công trình hoàn thành, điều chỉnh chính sách tiền lương,...

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính (hợp nhất)	2019 (triệu VND)	2018 (triệu VND)	So sánh (%)
Tổng giá trị tài sản	869.587	816.085	▲ 6,56
Tài sản ngắn hạn	331.464	291.019	▲ 13,90
Tiền và tương đương tiền	13.894	9.979	▲ 39,23
Đầu tư ngắn hạn	242.725	214.567	▲ 13,12
Phải thu ngắn hạn	27.998	15.355	▲ 82,34
Hàng tồn kho	40.394	41.254	▼ 2,08
Tài sản ngắn hạn khác	6.453	9.864	▼ 34,58
Tài sản dài hạn	538.123	525.066	▲ 2,49
Phải thu dài hạn	6	106	▼ 94,34
Tài sản cố định	504.144	464.528	▲ 8,53
Tài sản dở dang dài hạn	25.479	51.441	▼ 50,47
Tài sản dài hạn khác	8.494	8.991	▼ 5,53
Tổng nợ phải trả	451.560	416.674	▲ 8,37
Nợ ngắn hạn	111.508	104.747	▲ 6,45
Vay ngắn hạn	49.653	55.314	▼ 10,23
Phải trả ngắn hạn khác	61.855	49.433	▲ 25,13
Nợ dài hạn	340.052	311.927	▲ 9,02
Vay dài hạn	65.571	63.582	▲ 3,13
Phải trả dài hạn khác	274.481	248.345	▲ 10,52
Tổng vốn chủ sở hữu	418.026	399.411	▲ 4,66
Vốn chủ sở hữu	373.304	356.817	▲ 4,62
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	44.722	42.594	▲ 5,00



Cơ cấu tài sản

Quy mô tài sản của Công ty cuối năm 2019 đạt 869,59 tỷ đồng, tăng 6,56% so với cùng kỳ năm 2018. Với đặc điểm của doanh nghiệp cấp thoát nước, tài sản dài hạn luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Trong năm 2019, tài sản dài hạn đạt 538,12 tỷ đồng, bằng 61,88% tổng tài sản, trong khi đó tài sản ngắn hạn tăng nhẹ tỷ trọng từ 35,66% lên 38,12%.

Tài sản dài hạn của Công ty tăng 13,06 tỷ đồng, chủ yếu tập trung ở khoản mục tài sản cố định. Trong năm, Công ty đã hoàn thành một số hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản làm cho tài sản cố định tăng thêm 39,62 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn đạt 331,46 tỷ đồng, tăng 13,90% so với cùng kỳ. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ khoản mục tiền và tiền gửi có kỳ hạn cuối năm 2019 tăng thêm khoảng 32,07 tỷ đồng, ngoài ra khoản phải thu ngắn hạn cũng ghi nhận tăng thêm 12,64 tỷ đồng so với cuối năm 2018.

Cơ cấu nợ

Tại thời điểm cuối năm 2019, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 451,56 tỷ đồng, tăng 8,37% so với cùng kỳ năm 2018.

Nhìn chung, cơ cấu nợ của CTW phù hợp với cơ cấu tài sản khi nợ dài hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu, bằng 75,31%. Tỷ trọng này trong năm 2019 cũng có xu hướng tăng lên, ngược lại tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm từ 25,14% xuống 24,69%.

Nợ dài hạn trong năm của CTW là khoản vay tài chính dài hạn và các khoản phải trả dài hạn khác. Các khoản mục này đều tăng làm nợ dài hạn của Công ty tăng thêm 28,12 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn cũng tăng từ 104,75 tỷ đồng lên 111,51 tỷ đồng, chủ yếu là do khoản phải trả "Thuế và các khoản phải nộp nhà nước", chi phí phải trả và dự phòng phải trả tăng thêm lần lượt là 3,03 tỷ đồng, 2,52 tỷ đồng và 7,88 tỷ đồng.



CÁC KẾT QUẢ TIẾN BỘ NỔI BẬT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM



- Được Vinacontrol cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.
- Được Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam cấp Quyết định số 51/QĐ-AOSC ngày 19/03/2019 về việc công nhận năng lực phòng thí nghiệm và Chứng chỉ công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 trong lĩnh vực hóa học.
- Tỷ lệ thất thoát nước giảm 5,57% so với năm 2018, đạt tỷ lệ 17,91%.
- Chuyển giao Phần mềm cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương góp phần tăng Doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT như: Zalo chatbot, Facebook chatbot, phần mềm CTWCare-Chăm sóc khách hàng và thanh toán tiền nước chạy trên hệ điều hành Android và iOS, đã liên kết trực tuyến với 04 ngân hàng (liên kết offline với 10 ngân hàng) và các đối tác thu hộ như: Payoo, MoMo, Zalo Pay, VNPAY. Đồng thời đã phát triển thành công website thanh toán trực tuyến tiền nước (<https://hddt.ctn-cantho.com.vn>).
- Giao lưu, trao đổi kinh nghiệm với các công ty cấp nước như Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương, CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn và CTCP Cấp thoát nước Gia Lai, Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

220 tỷ VND

Doanh thu KH2020

(▲ 1,62% so với năm 2019)

 **24** triệu m³

Sản lượng nước sạch

(▲ 0,8 triệu m³ so với năm 2019)

31,6 tỷ VND

Lợi nhuận sau thuế KH2020

(▼ 2,01% so với năm 2019)

 **17** %

Tỷ lệ thất thoát nước

(▼ 0,91% so với năm 2019)

Công tác tổ chức

Tiếp tục rà soát, chỉnh sửa Điều lệ hoạt động Công ty, Quy chế Quản trị, Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động,... Hoàn chỉnh và chỉnh sửa theo góp ý của các Sở ngành về Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2022, định hướng đến năm 2030;

Phối hợp với WordBank trong triển khai dự án thí điểm về xây dựng khung chiến lược cho Công ty;

Tiếp tục phối hợp với VEI và 03 Công ty cấp nước triển khai Dự án WaterWorkX hướng đến cấp nước thích nghi với biến đổi khí hậu khu vực Tây Nam vùng đồng bằng Sông Cửu Long.

Công tác hoạt động

Tiếp tục thỏa thuận vùng phục vụ cấp nước với huyện Phong Điền;

Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản xuất nước theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại NMN Bông Vang;

Không ngừng nỗ lực, nâng cao chất lượng dịch vụ, thực hiện và hoàn thành tốt, kịp tiến độ các hợp đồng đã ký với UBND quận Ninh Kiều và UBND quận Bình Thủy. Tiếp tục vận hành Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra theo quy định hiện hành;

Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải: Phần đầu hoàn thành công tác quyết toán và nghiệm thu, bàn giao Dự án theo chỉ đạo của UBND Tp.Cần Thơ;

Tăng cường công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch bằng nhiều giải pháp, tiếp tục thay thế các đồng hồ cũ bằng các đồng hồ thông minh cho các khách hàng lớn, sử dụng nước nhiều;

Tiếp tục thực hiện Hợp đồng với Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương. Bên cạnh đó, tìm kiếm và phát triển khách hàng mới trong chuyển giao công nghệ thông tin.

Công tác kỹ thuật

Tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư, đặc biệt là các công trình:

- Tuyến chuyển tải: D.400 đường Trần Hoàng Na, Tuyến ống D.400 QL 1A (cũ), Tuyến chuyển tải đường Trần Hưng Đạo, D.400-D.300 TT Phong Điền,...;
- Các công trình cải tạo phục vụ chống thất thoát nước và mở rộng mạng lưới cấp nước theo đề nghị của địa phương, các đơn vị quản lý khách hàng.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT như: Triển khai kế hoạch chỉnh sửa core, database của phần mềm quản lý khách hàng Cần Thơ và cấu hình bảo mật cho các server; nghiên cứu triển khai phân hệ quản lý chăm sóc khách hàng; thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, tiếp tục và đẩy mạnh liên kết trực tuyến với các đơn vị triển khai dịch vụ thu hộ tiền nước (BIDV, ViettelPay, VNPT Pay).



Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch

- ◆ Các đơn vị trực thuộc đăng ký thực hiện chỉ tiêu nội bộ năm 2020 nhằm góp phần tăng năng suất lao động, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là nâng cao tinh thần trách nhiệm và khả năng tư duy, tính chủ động của cán bộ, công nhân viên.
- ◆ Rà soát việc sử dụng lao động, bố trí lao động hợp lý, tiết kiệm chi phí, thực hiện khoán chi phí điện, văn phòng phẩm,... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- ◆ Không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ thoát nước để được Ủy ban Nhân dân quận Ninh Kiều và Ủy ban Nhân dân quận Bình Thủy trong đặt hàng dịch vụ quản lý, vận hành, duy trì, bảo dưỡng, nạo vét hệ thống thoát nước. Thực hiện, giải quyết kịp thời yêu cầu của 02 quận về xử lý các vấn đề liên quan đến thoát nước tại khu vực.
- ◆ Quản lý tốt Dự án Thoát nước và xử lý nước thải để tiếp tục được giao đặt hàng vận hành nhà máy xử lý nước thải.
- ◆ Tăng cường giám sát, phân tích áp lực và lưu lượng ngoài mạng lưới. Đẩy mạnh công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, công tác dò tìm, phát hiện ống bể nhằm giảm tỷ lệ thất thoát.
- ◆ Kịp thời triển khai các công trình mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước theo kiến nghị của người dân, địa phương và chỉ đạo của lãnh đạo thành phố.
- ◆ Tiếp tục thực hiện các hợp đồng chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin cho các đơn vị cấp nước bạn.

2019

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty 35

Đánh giá hoạt động Ban Tổng Giám đốc 36

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 36



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2019, tăng trưởng GDP cả nước đạt mức 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra là 6,6% – 6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2008. Về Tp. Cần Thơ, kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 7,84%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông - lâm nghiệp và thủy sản, tăng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Chỉ số phát triển công nghiệp năm 2019 tăng khoảng 7,85% so với năm 2018. Một số sản phẩm đạt mức tăng trưởng khá, như phi lê đông lạnh tăng 22,58%, được phẩm tăng 19,01%, xi măng tăng 16,81%, tôm đông lạnh tăng 16,79%, quần áo tăng 2,64%,... Thương mại - dịch vụ phát triển đa dạng nhiều loại hình, tỷ trọng đóng góp khu vực dịch vụ chiếm 59,34% GRDP.

Góp phần vào tăng trưởng của Tp.Cần Thơ, trong năm 2019, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ với doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch. Sản lượng nước sạch sản xuất đạt 23,2 triệu m³, tăng 6,90% so với cùng kỳ, tỷ lệ thất thoát nước là 17,91%, giảm 5,57% so với năm trước. Công tác cải tạo, mở rộng mạng lưới cũng được thực hiện kịp thời theo đúng kế hoạch. Các phòng ban có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, tinh thần làm việc cũng như chất lượng công việc của cán bộ, công nhân viên ngày càng nâng cao. Các chính sách lương thưởng, phúc lợi cho người lao động cũng được cải thiện, tạo điều kiện cho người lao động đảm bảo được đời sống vật chất, tinh thần, an tâm công tác. Song song với việc thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh, để góp phần vào việc phát triển chung của Thành phố, Công ty luôn nỗ lực mở rộng mạng lưới cung cấp nguồn nước sạch, nâng cao chất lượng nước nhằm mang lại cuộc sống khỏe mạnh, an toàn cho người dân.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT thường xuyên giám sát các công tác điều hành quản lý, chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để thực hiện kịp thời tiến độ kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác tuân thủ theo đúng pháp luật, điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước, nỗ lực triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò và năng lực của Ban Tổng Giám đốc thể hiện trong năm qua khi dẫn dắt tập thể cán bộ công nhân viên Công ty thực hiện được các mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban Tổng Giám đốc cũng hỗ trợ kịp thời cho cán bộ công nhân viên, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động, duy trì môi trường làm việc ổn định, lành mạnh, thân thiện.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trong năm 2020 dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 và nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Bên cạnh đó, doanh nghiệp vẫn sẽ đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn, các chi phí đầu vào tiếp tục tăng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu,... Các nghị định, thông tư mới được ban hành và có hiệu lực liên quan đến quản trị doanh nghiệp như: Nghị định 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2020 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao.
- Điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty một cách linh hoạt và phù hợp trên nguyên tắc chủ động nguồn nước cung cấp, liên kết mạng lưới khu vực đảm bảo kế hoạch cấp nước an toàn cho thành phố Cần Thơ.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy chế khác.

2019

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị 38

Ban Kiểm soát 42

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích 43



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và Cơ cấu

Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Công ty gồm năm (05) thành viên, trong đó có hai (02) thành viên điều hành, ba (03) thành viên không điều hành.

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị:

Thành viên/Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần (CP) có quyền biểu quyết (*)
1 Ông Nguyễn Hữu Lộc <i>Chủ tịch không điều hành</i>	28,02% Sở hữu cá nhân: 5.100 CP Đại diện cho UBND TP.Cần Thơ: 7.840.000 CP
2 Ông Nguyễn Tùng Nguyên <i>Thành viên điều hành</i>	16,04% Sở hữu cá nhân: 11.600 CP Đại diện cho UBND TP.Cần Thơ: 4.480.000 CP
3 Bà Phan Thị Thiên <i>Thành viên điều hành</i>	7,02% Sở hữu cá nhân: 5.600 CP Đại diện cho UBND TP.Cần Thơ: 1.960.000 CP
4 Ông Ngô Đức Vũ <i>Thành viên không điều hành</i>	12,05% Đại diện cho CTCP Hạ tầng nước Sài Gòn: 3.374.000 CP
5 Ông Lê Tuấn <i>Thành viên không điều hành</i>	22,54% Đại diện cho CTCP Đầu tư Ngành nước DNP: 6.310.400 CP

(*) Số lượng cổ phần sở hữu tính đến thời điểm 19/09/2019.

2. Các Tiểu ban

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị tổ chức họp định kỳ hàng quý nhằm đánh giá kết quả hoạt động của Công ty và thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác. Các cuộc họp HĐQT bất thường sẽ được tổ chức trong các trường hợp cần thiết.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức chín (09) cuộc họp HĐQT. Các thành viên HĐQT đã tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết cụ thể như sau:

	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch	5/5	100%
2	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên	5/5	100%
3	Bà Phan Thị Thiên	Thành viên	5/5	100%
4	Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	5/5	100%
5	Ông Lê Tuấn	Thành viên	5/5	100%

Nội dung các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Phiên họp	Số TV tham dự	Nội dung chính
22/01/2019	5/5	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và chương trình hoạt động năm 2019 của CanThoWassco • Báo cáo kết quả hoạt động đầu tư năm 2018 của CanThoWassco • Kế hoạch đầu tư năm 2019 của CanThoWassco • Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2019 của CanThoWassco • Báo cáo hoạt động HĐQT và Báo cáo quản trị công ty năm 2018 • Dự kiến thù lao các thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2019 • Tờ trình điều chỉnh tăng hệ số lương đóng BHXH đối với các thành viên chuyên trách HĐQT, BKS và Ban TGĐ • Lựa chọn đơn vị kiểm toán/soát xét Báo cáo tài chính năm 2019 của CanThoWassco • Báo cáo tài chính quý IV/2018 của CanThoWassco • Báo cáo tình hình hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của các công ty con • Việc chuyển nhượng CP của cổ đông chiến lược trước thời hạn • Thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019
12/04/2019	5/5	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo kết quả hoạt động SXKD quý 1/2019 • Kết quả hoạt động đầu tư quý 1/2019 và Kế hoạch đầu tư 9 tháng cuối năm 2019 của CanThoWassco • Các Tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 • Việc chuyển quyền sở hữu cổ phần của cổ đông chiến lược trước thời hạn cam kết • Việc chia tách XNCN Hưng Phú thành 02 đơn vị gồm: NMN Hưng Phú và Chi nhánh cấp nước Hưng Phú

Phiên họp	Số TV tham dự	Nội dung chính
24/07/2019	5/5	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2019 của CanThoWassco Báo cáo kết quả đầu tư 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019 của CanThoWassco Báo cáo quản trị Công ty 6 tháng năm 2019 của CanThoWassco Báo cáo tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019 của các công ty con BCTC quý 2/2019 của CanThoWassco Sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính của CanThoWassco
30/10/2019	5/5	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2019 của CanThoWassco Báo cáo kết quả đầu tư 9 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2019 của CanThoWassco Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2020 và điều chỉnh lại kế hoạch đầu tư năm 2020 của CanThoWassco Báo cáo tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2019, kế hoạch 3 tháng cuối năm 2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020 của các công ty con BCTC quý 3/2019 của CanThoWassco Quy chế CBTT của CanThoWassco Điều chỉnh quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
07/11/2019	5/5	<ul style="list-style-type: none"> Việc chào mua công khai cổ phiếu CTW của CTCP Đầu tư ngành nước DNP

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị trong năm 2019

	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	22/01/2019	Nghị quyết hội đồng quản trị quý I năm 2019
2	02/NQ-HĐQT	12/04/2019	Nghị quyết HĐQT thông qua việc chia tách XNCN Hưng Phú
3	03/NQ-HĐQT	12/04/2019	Nghị quyết hội đồng quản trị quý II năm 2019
4	05/NQ-HĐQT	24/07/2019	Nghị quyết hội đồng quản trị quý III năm 2019
5	06/NQ-HĐQT	30/10/2019	Nghị quyết hội đồng quản trị quý IV năm 2019
6	07/NQ-HĐQT	07/11/2019	Nghị quyết hội đồng quản trị về việc chào mua công khai cổ phiếu CTW của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP
7	01/QĐ-HĐQT	04/09/2019	Quyết định sửa đổi bổ sung Quy chế tài chính CanThoWassco
8	01A/QĐ-HĐQT	16/12/2019	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị CanThoWassco
9	02/QĐ-HĐQT	23/12/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế CBTT CanThoWassco

4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Công ty không có các thành viên HĐQT độc lập.

5. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị

Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Tổ Thư ký (số lượng: 07 người) đã tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty đại chúng do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán tổ chức ngày 15 – 16/12/2015 tại Tp.Hồ Chí Minh.

Trong năm 2019, các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Tổ Thư ký cùng lãnh đạo một số đơn vị đã tham gia các Hội thảo chuyên đề Phong cách lãnh đạo, quản lý và giao tiếp do Công ty Cấp nước Hà Lan (Vitens Evides International -VEI) tổ chức.



BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và Cơ cấu

Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty bao gồm ba (03) thành viên.

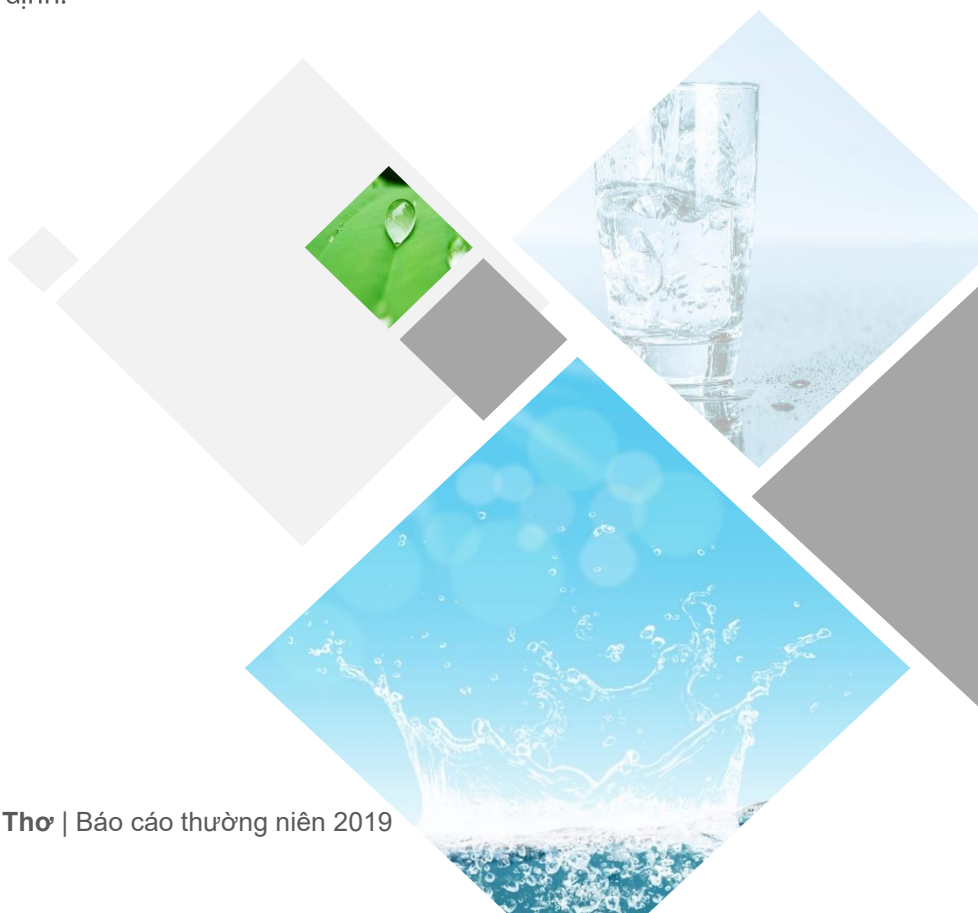
Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên/Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu Cổ phần (CP) có quyền biểu quyết (*)
1 Bà Lâm Nguyệt Thanh <i>Trưởng Ban</i>	0,019% Sở hữu cá nhân: 5.300 CP
2 Bà Ngô Hồng Hạnh <i>Thành viên</i>	0,005% Sở hữu cá nhân: 1.300 CP
3 Bà Phan Thùy Giang <i>Thành viên</i>	0% Sở hữu cá nhân: 0 CP

(*) Số lượng cổ phần sở hữu tính đến thời điểm 19/09/2019.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành công ty đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của từng người, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định.



GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Thành viên	Lương (VND)	Thưởng (VND)	Thù lao (VND)	Ghi chú
1 Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Hữu Lộc	518.400.000	50.000.000	158.230.800	
Ông Nguyễn Tùng Nguyên			55.200.000	
Bà Phan Thị Thiên			55.200.000	
Ông Ngô Đức Vũ		22.000.000	55.200.000	
Ông Lê Tuấn		22.000.000	55.200.000	
2 Ban kiểm soát				
Bà Lâm Nguyệt Thanh	446.400.000	40.000.000		
Bà Ngô Hồng Hạnh		10.000.000	41.400.000	
Bà Phan Thùy Giang		12.000.000	41.400.000	
3 Ban điều hành				
Ông Nguyễn Tùng Nguyên	504.000.000	46.000.000		
Bà Phan Thị Thiên	475.200.000	43.000.000		
Ông Huỳnh Thiện Đĩnh	446.400.000	43.000.000		
Bà Trần Thị Kiều Phương	403.200.000	40.000.000		

Lương: là tiền lương thực hiện của năm 2019.

Tiền thưởng của năm 2018 được chi vào tháng 6 năm 2019.

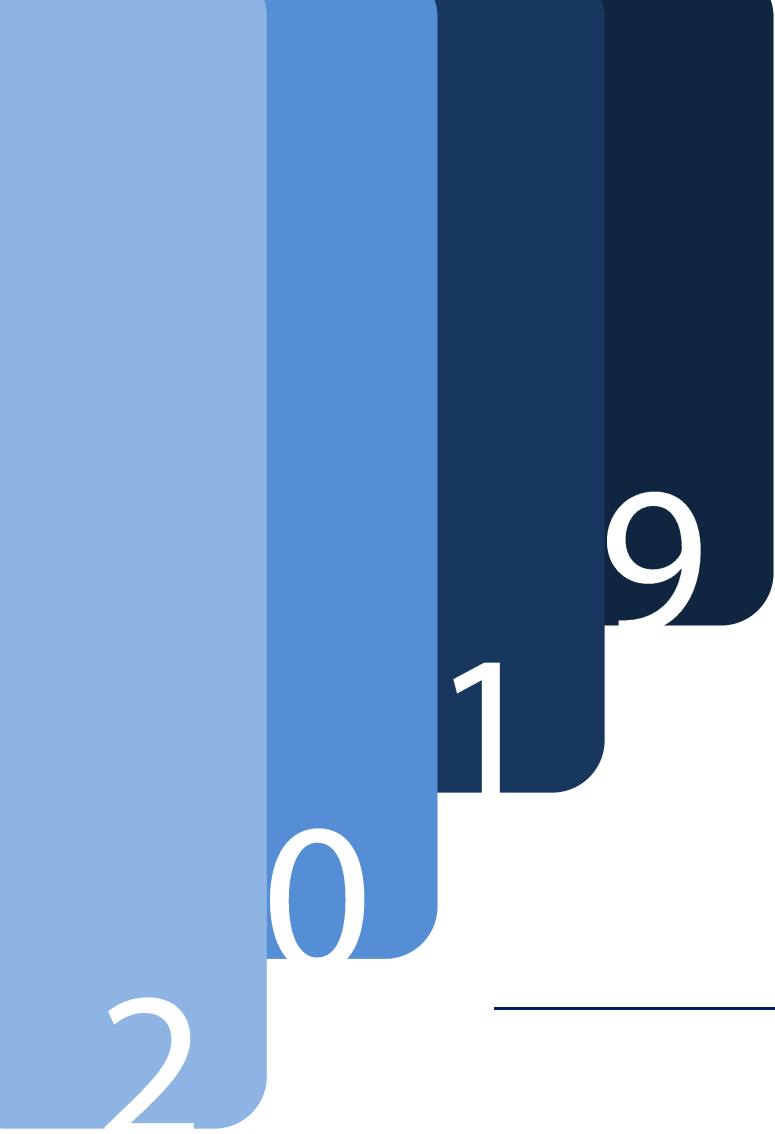
2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ

Cổ đông thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	
1 UBND Tp.Cần Thơ	Cổ đông lớn	17.920.000	64,00	14.280.000	51,00	Đã bán: 3.640.000
2 Phạm Quốc Khánh		0	0	3.637.000	12,99	Đã mua: 3.637.000

^(*) Căn cứ theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của UBND Tp.Cần Thơ ngày 30/08/2019 và Báo cáo về ngày trở thành cổ đông lớn của ông Phạm Quốc Khánh ngày 17/09/2019.

3. Hợp đồng/Giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 45

Báo cáo tài chính được kiểm toán 46





Số: A0619224-HN/AISC-DN5

Kính gửi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các Công ty con (gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2020



ĐÀU NGUYỄN LÝ HÀNG

Số Giấy CNĐKHNKT: 1169-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN HẢI SƠN

Số Giấy CNĐKHNKT: 2172-2018-005-01

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.463.831.876	291.019.333.729
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.894.225.446	9.979.003.954
1. Tiền	111		10.894.225.446	9.979.003.954
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	242.724.718.810	214.567.400.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		242.724.718.810	214.567.400.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.997.730.563	15.355.194.611
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22.547.499.383	9.407.245.629
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.455.717.854	5.397.805.740
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.264.174.531	2.952.543.576
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(2.269.661.205)	(2.402.400.334)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	40.393.639.144	41.253.977.552
1. Hàng tồn kho	141		43.088.859.213	44.177.189.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.695.220.069)	(2.923.212.117)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.453.517.913	9.863.757.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	776.927.950	938.355.952
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.594.701.814	8.874.309.151
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	81.888.149	51.092.509
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		538.122.775.131	525.066.150.530
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.538.400	105.843.135
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	45.031.535	105.843.135
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(39.493.135)	-
II. Tài sản cố định	220		504.144.278.370	464.527.979.502
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	503.705.765.356	464.400.865.621
- Nguyên giá	222		887.923.106.255	807.026.195.426
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(384.217.340.899)	(342.625.329.805)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	438.513.014	127.113.881
- Nguyên giá	228		1.144.515.809	778.850.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(706.002.795)	(651.736.119)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	25.478.764.224	51.441.273.390
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		25.478.764.224	51.441.273.390
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.494.194.137	8.991.054.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	8.494.194.137	8.991.054.503
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		869.586.607.007	816.085.484.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		451.560.434.810	416.673.994.275
I. Nợ ngắn hạn	310		111.507.864.543	104.746.506.570
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	14.500.688.862	15.011.414.168
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.867.988.133	2.691.959.732
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	6.125.660.346	3.099.880.020
4. Phải trả người lao động	314		11.234.449.688	12.296.616.353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	8.029.109.793	5.509.125.207
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	4.909.751.877	4.753.085.247
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	49.653.318.159	55.313.533.395
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	12.295.200.000	4.412.924.919
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.891.697.685	1.657.967.529
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		340.052.570.267	311.927.487.705
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	274.481.545.318	248.345.571.719
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	65.571.024.949	63.581.915.986
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

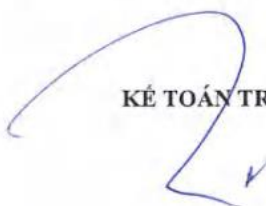
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		418.026.172.197	399.411.489.984
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	418.026.172.197	399.411.489.984
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.910.169.032	6.910.169.032
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		23.754.403.490	20.689.809.689
5. Cổ phiếu quỹ	415		(10.447.681)	(10.447.681)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.397.711.968	17.133.858.005
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.252.071.205	32.093.735.583
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.079.338.650	536.117.054
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.172.732.555	31.557.618.529
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		44.722.264.183	42.594.365.356
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		869.586.607.007	816.085.484.259

NGƯỜI LẬP BIỂU



DIỆP TÔN KIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÙNG NGUYÊN

Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	296.608.400.032	238.857.278.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	296.608.400.032	238.857.278.918
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	163.355.543.047	146.231.338.951
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		133.252.856.985	92.625.939.967
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	399.815.860	178.784.238
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.773.674.429	5.227.457.263
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.728.640.366</i>	<i>5.191.796.727</i>
8. Phần lãi (hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	31.719.986.704	12.839.969.523
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	37.577.129.047	32.280.830.132
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		57.581.882.665	42.456.467.287
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.106.971.071	5.268.325.336
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.227.916.674	1.377.346.964
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(120.945.603)	3.890.978.372
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		57.460.937.062	46.347.445.659
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	11.737.676.482	8.704.492.224
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	60		45.723.260.580	37.642.953.435
Cổ đông của Công ty mẹ	61		39.532.555.382	31.531.513.028
Cổ đông không kiểm soát	62		6.190.705.198	6.111.440.407
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.399	1.094
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.399	1.094

NGƯỜI LẬP BIỂU



DIỆP TÔN KIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2020

NGUYỄN TÙNG NGUYỄN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.460.937.062	46.347.445.659
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	49.827.872.553	42.043.845.499
- Các khoản dự phòng	03		7.561.037.039	(98.686.010)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(68.456.157)	93.920.639
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(398.005.449)	(178.444.787)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	6.728.640.366	5.191.796.727
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(8.181.594.783)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		112.930.430.631	93.399.877.727
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(9.200.173.526)	1.281.995.291
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		1.088.330.456	(5.974.888.888)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		27.597.149.268	(3.529.447.566)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		658.288.368	(2.455.699.193)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.728.640.366)	(5.191.796.727)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.773.662.804)	(8.746.230.119)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.806.555.467
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.778.114.211)	(8.137.404.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		109.793.607.816	62.452.961.557
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(55.300.067.472)	(68.393.289.486)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	7.257.868.849
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(262.540.218.810)	(214.567.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		234.382.900.000	192.056.503.431
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		398.005.449	178.444.787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(83.059.380.833)	(83.467.872.419)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		146.561.490.827	148.963.032.503
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(150.232.597.100)	(118.139.478.912)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.216.355.375)	(11.978.276.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.887.461.648)	18.845.276.969
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		3.846.765.335	(2.169.633.893)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		9.979.003.954	12.242.558.486
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		68.456.157	(93.920.639)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	13.894.225.446	9.979.003.954

NGƯỜI LẬP BIỂU



DIỆP TÔN KIÊN

KÊ TOÁN TRƯỞNG



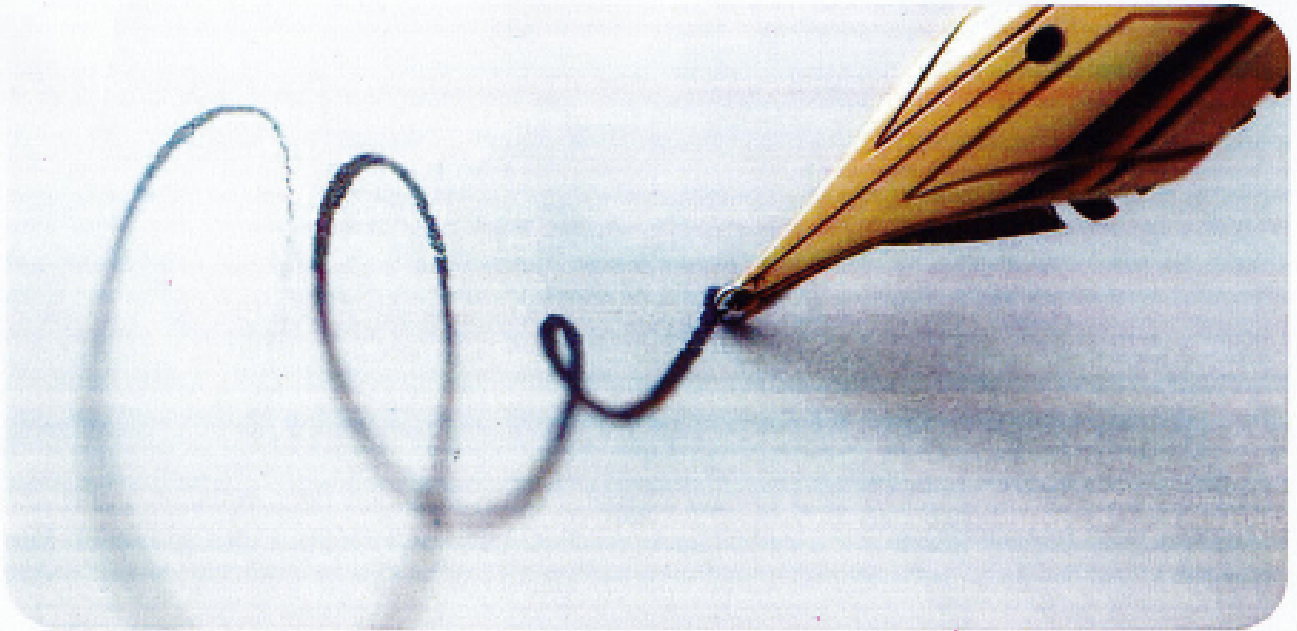
TRẦN THỊ KIỀU PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÙNG NGUYÊN

Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2020



Tp. Cần thơ, ngày 14.. tháng ..4.. năm 2020

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tùng Nguyên



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
CANTHO WATER SUPPLY – SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

<https://ctn-cantho.com.vn>

Liên hệ:

Ông Trịnh Hữu Phúc – Người phụ trách quản trị Công ty
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
Số 2A Nguyễn Trãi, Phường Tân An,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

(84-292) 3810 188 

(84-292) 3810 188 

ctncantho@gmail.com 

<https://ctn-cantho.com.vn> 